

Số: 01 /QĐ-PGDĐT

Biên Hòa, ngày 8 tháng 7 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số 1857/TB-TCKH về việc: Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020, ngày 7/7/2022 của Phòng tài chính- Kế hoạch thành phố Biên Hòa;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Biên Hòa,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** CB - CC Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Biên Hòa thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Phòng TCKH TP Biên Hòa;
- Phòng KT;
- Lưu :VT.



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Võ Văn Minh

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 61/2017/TT-BTC.

Đơn vị: Phòng Giáo dục và Đào tạo Biên Hòa

Chương: 622

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-PGDĐT ngày 8/7/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Biên Hòa)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>				
<i>1</i>	<i>Chi sự nghiệp.....</i>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<i>2</i>	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>6.861.477.792</b>	<b>6.861.477.792</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>6.861.477.792</b>	<b>6.861.477.792</b>	<b>0</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.190.738.559	3.190.738.559	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.670.739.233	3.670.739.233	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	<b>0</b>	<b>0</b>		

Ngày 8 tháng 7 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Võ Văn Minh

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1857 /TB-TCKH.

Biên Hòa, ngày 07 tháng 7 năm 2022

## THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021

Đơn vị được thông báo: **PHÒNG GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO TP BIÊN HÒA**

Mã chương: 622

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Phòng Tài chính – Kế hoạch và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 20/5/2022 giữa Phòng Giáo dục – Đào tạo thành phố Biên Hòa và Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 (không bao gồm quyết toán vốn XDCB, các công trình vốn sự nghiệp, quản lý hành chính mang tính chất XDCB.....- sẽ có biên bản riêng) của Phòng Tài chính – Kế hoạch như sau:

### I. Phần số liệu:

#### 1. Số liệu quyết toán:

##### a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a ban hành kèm theo Thông tư này đối với xét duyệt/thẩm định quyết toán từ năm ngân sách 2018).

##### b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 35.229.922 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 8.259.917.743 đồng, trong đó:
  - + Dự toán giao đầu năm: 7.564.200.000 đồng;
  - + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 695.717.743 đồng (trong đó: bổ sung: 1.028.495.233 đồng, điều chỉnh giảm theo NQ 58: 332.777.490 đồng.);
- Kinh phí thực nhận trong năm: 6.861.477.792 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 6.861.477.792 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 1.395.350.284 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 38.319.589 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 38.319.589 đồng;

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1c)*

## **2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính**

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng

- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)*

## **3. Thuyết minh số liệu quyết toán:**

Do giới hạn về nguồn nhân lực và thời gian xét duyệt quyết toán, Phòng Tài chính – Kế hoạch căn cứ báo cáo quyết toán, hồ sơ, số kế toán, chứng từ do Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố cung cấp (Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính xác thực của hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán và tài liệu cung cấp cho Phòng Tài chính – Kế hoạch), không chứng kiến việc kiểm kê vật tư hàng hóa, tài sản, quỹ tiền mặt tại thời điểm 31/12/2021.

Trên cơ sở báo cáo, tài liệu của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố cung cấp và tự chịu trách nhiệm, Phòng Tài chính- Kế hoạch thuyết minh số liệu như sau:

### **3.1. Về số thu:**

Đơn vị không báo cáo các nguồn thu.

### **3.2 Về số chi:**

- Số kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 38.319.589 đồng.

- Kinh phí hủy dự toán: 1.395.350.284 đồng, trong đó:

+ Kinh phí chi cho con người: 198.884.774 đồng

+ Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn khối MN: 128.659.800 đồng.

+ Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn khối TH: 597.422.110 đồng.

+ Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn khối THCS: 470.383.600 đồng.

## **II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 0 đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng

- Trích lập các Quỹ: 0 đồng

- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b).*

## **III. Nhận xét và kiến nghị:**

**1. Nhận xét:**

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đảm bảo thời gian theo lịch thông báo.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: Đơn vị hạch toán theo mục lục ngân sách, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy chế.

- Về công khai tài chính: thực hiện công khai dự toán theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: đơn vị nộp báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính đầy đủ theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017.

- Về sổ sách kế toán: mở sổ kế toán theo Thông tư 107/TT-BTC.

**2. Kiến nghị:**

Đề nghị đơn vị phân ánh tất cả các khoản thu (nếu có), chi vào báo cáo tài chính của đơn vị. Thực hiện nghiêm theo Luật ngân sách.

**Nơi nhận:**

- Phòng Giáo dục – Đào tạo TPBH;
- Lưu: VT, HCSN.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Hạ Thị Dung*

**Hà Thị Dung**